

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-PT
Ngày: 24-5-2018
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số 65/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Q; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn:

1. Ông Hoàng Văn T(đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T:

Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

Anh Hoàng Thanh T; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

Anh Hoàng Văn T1; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

Chị Hoàng Thị N; cư trú tại: Thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Anh Hoàng Văn T2; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

Anh Hoàng Văn T3; cư trú tại: Xã X, huyện H, Thành phố H

Anh Hoàng Văn T4; cư trú tại: xã X, huyện H, Thành phố H

2. Anh Hoàng Thanh T; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T- Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Xuân H - Trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N (Theo văn bản ủy quyền ngày 11-4-2018)

2. NLQ1; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. NLQ2 (tên gọi khác Hoàng Ngọc T); cư trú tại: Thôn R, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

4. NLQ3; cư trú tại: Xã V, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3: NLQ1

5. NLQ4; cư trú tại: Đường T, phường T, quận T, Thành phố H

6. NLQ5; cư trú tại: Phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5: NLQ1

7. NLQ6; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

8. NLQ7; cư trú tại: Đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ7: NLQ1

9. NLQ8;

10. NLQ9;

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ8, NLQ9: Anh Hoàng Thanh T

11. NLQ10

12. NLQ11

Người đại diện theo ủy quyền của chị Duyên: NLQ10

13. NLQ12

14. NLQ13

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ12, NLQ13: NLQ1

Các đương sự trên đều cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị Q là nguyên đơn, anh Hoàng Thanh T là bị đơn, NLQ2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án

Tại phiên toà có mặt Bà Hoàng Thị Q, NLQ1, vắng mặt các đương sự khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-9-2015 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn Bà Hoàng Thị Q trình bày: Bố bà là cụ Hoàng Văn K (chết năm 2006), mẹ bà là cụ Lê Thị R(chết năm 2012). Bố mẹ bà sinh được 8 người con gồm: NLQ1, ông Hoàng Văn T, NLQ2, bà Hoàng Thị T (chết năm 1987), NLQ6, NLQ3, NLQ5 và bà là Hoàng Thị Q. Khi còn sống bố mẹ bà đã tạo dựng được khối tài sản là 03 thửa đất thuộc tờ Bản đồ số 11 xã H, đều tọa lạc tại Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Cụ thể: Thửa 4576 diện tích 1925m² (trong đó có 935m² đất ao, 90m² đất vườn); thửa 4577 diện tích 430m² (trong đó có 300m² đất ở, 130m² đất vườn) và thửa 4580 có diện tích 380m² đất ở.

Quá trình sử dụng, bố mẹ bà có cho Ông Hoàng Văn T 300m² đất để xây dựng nhà ở tại thửa 4577, ngoài ra chưa cho ai phần diện tích đất nào.

Đến ngày 01-01-2003 bố mẹ bà đã lập di chúc chia tài sản cho các con, Bản di chúc có xác nhận của ông Hoàng Văn T5 và chứng thực của Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Bản di chúc có nội dung như sau: Khu đất vườn cả diện tích 1 sào 2 miếng 3, trong đó chiều dài May Nam 31m, chiều rộng Đông Tây 14,3m, phía Đông giáp nhà anh T5, phía Tây giáp nhà bà Đ, ông K, phía Nam giáp nhà anh N, phía Bắc giáp nhà anh L. Đất này giao cho NLQ1 là con Cả, NLQ1 có trách nhiệm cầu nguyện hàng năm cho các cụ;

Khu đất ở: Đất của NLQ1 ở phía Bắc (từ giáp nhà ông T trở lên, phía Bắc giáp nhà cô B và ngõ thì đi nguyên ngõ cũ, từ dốc nhà trên ông T đi ra phía Tây giáp đường xóm. Đất của ông T ở phía Đông Nam (từ nhà ông T đang ở chạy xuống phía Đông Nam giáp đường làng) và ngõ đi của ông T nằm trong đất ông T. Đất của Bà Hoàng Thị Q ở phía Tây Nam (từ đất nhà ông T xuống phía Tây Nam) diện tích 5 miếng 7 trong đó chiều dài Bắc Nam là 21m, chiều Đông Tây là 8,6m, phía Đông và phía Bắc giáp nhà ông T, phía Tây giáp nhà ông M, phía Nam giáp đường làng;

Đất ao (liền với đất đang ở) diện tích 3 sào 4 miếng 5, trong đó chiều dài May Nam 69,96m, chiều rộng Đông Tây là 17,8m. Chia cho NLQ1 là con cả sử dụng với chiều dài là 33,6m. Phần NLQ1 và bà Q nằm ở giữa với chiều dài 13,9m; phần ông T phía Nam (từ giáp phần NLQ1 và bà Q trở xuống phía Nam) có chiều dài 23m.

Khi cụ Hoàng Văn K và cụ Lê Thị R lập di chúc các cụ hoàn toàn minh mẫn, các con của hai cụ đều biết về bản di chúc này.

Theo nội dung bản di chúc trên thì bà được hưởng 130m² đất vườn ở vị trí phía Tây Nam từ đất nhà ông T xuống phía Tây Nam, trên đó bố mẹ bà đã xây 01 nhà mái bằng 01 tầng, 01 bếp cấp 4 hiện bà đang sử dụng. Khi bố mẹ bà xây

dựng các công trình nói trên ông T không có ý kiến gì. Đối với đất ao bà và NLQ1 được chia ở khoảng giữa có chiều dài 13,9m, hiện phần đất này bà và NLQ1 đang sử dụng, nhưng diện tích là bao nhiêu thì bà không nắm được, phần còn lại các con ông T là Anh Hoàng Thanh T, anh Hoàng Văn T1 và con của NLQ1 là NLQ12 đã xây dựng nhà ở và sử dụng.

Bà đề nghị chia cho bà phần đất vườn 130m² tại thửa 4577 và chia đất ao tại thửa 4576 cho NLQ1, ông T và bà. Đối với các phần tài sản khác trong di chúc bà không yêu cầu chia. Việc ông T cũng như anh T được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với phần đất của bố mẹ đã cho bà là trái pháp luật và không có căn cứ nên bà đề nghị hủy GCNQSDĐ của hộ anh Hoàng Thanh T.

Tại bản tự khai ngày 01-3-2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Hoàng Thanh T trình bày: Ông nội anh là cụ Hoàng Văn K (chết năm 2006), bà nội anh là cụ Lê Thị R (chết năm 2012). Hai cụ sinh được 8 người con như bà Q khai là đúng. Vào năm 1984 cụ K, cụ R đã cho bố mẹ anh là ông Hoàng Văn T, Bà Nguyễn Thị N thừa đất có diện tích 430m² trong đó có 300m² đất ở và 130m² đất vườn ở Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Vị trí: Phía Đông giáp ao cụ K, phía Tây giáp đất ông M, phía Nam giáp đường thôn, phía Bắc giáp đất cụ K. Bố mẹ anh đã xây dựng nhà trên thửa đất và đã được UBND huyện N, tỉnh N cấp GCNQSDĐ vào năm 1995. Năm 2014 bố mẹ anh đã chuyển quyền sử dụng thửa đất trên cho vợ chồng anh, UBND huyện N đã cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên anh và vợ anh là Phạm Thị N vào ngày 15-1-2014.

Tại phía Nam của mảnh đất trên cụ K, cụ R đã xây dựng 01 nhà mái bằng một tầng, 01 bếp cấp 4 từ khoảng năm 2003-2004 hiện bà Q sử dụng, khi cụ K, cụ R xây dựng tài sản trên bố anh không nhất trí nhưng cũng không làm đơn đề nghị UBND xã H giải quyết.

Đối với đất ao thửa 4576 nguồn gốc là của cụ K, cụ R. Năm 1989 cụ K và cụ R chia cho NLQ1 và bố anh mỗi người được hưởng một nửa diện tích. Phần đất ao mà bố anh được hưởng anh và em anh là Hoàng Văn T1 đã làm nhà, diện tích cụ thể anh và anh T1 đang sử dụng là bao nhiêu anh không nắm được. Phần diện tích đất ao NLQ1 được chia NLQ12 là con trai NLQ1 đã làm nhà. Đối với phần diện tích đất ao còn lại NLQ12 và anh mỗi người đang sử dụng một nửa. Toàn bộ diện tích đất ao của vợ chồng cụ K chưa được cấp GCNQSDĐ.

Đối với bản di chúc mà cụ Hoàng Văn K và cụ Lê Thị R anh không nắm được, khi Bà Hoàng Thị Q khởi kiện ra Tòa án anh mới biết là ông bà nội anh có di chúc để lại.

Nay anh không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Q về việc hủy GCNQSDĐ mang tên vợ chồng anh vì đã được Nhà nước cấp cho vợ chồng anh hợp pháp. Đối với yêu cầu chia di sản của bà Q đối với diện tích đất tại thửa 4577 anh không đồng ý, phần diện tích đất bà Q đang sử dụng thuộc

quyền sử dụng của vợ chồng anh đã được cấp GCNQSDĐ, đối với đất ao ông bà nội anh đã cho bố anh một nửa nên thuộc quyền sử dụng của bố mẹ anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-5-2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày: Trước khi chết, vào tháng 01/2003 bố mẹ ông là cụ Hoàng Văn K, cụ Lê Thị R có lập bản di chúc để phân chia tài sản để lại. Khi lập di chúc bố mẹ ông còn minh mẫn, hoàn toàn tự nguyện và di chúc có xác nhận của UBND xã H. Trong bản di chúc bố mẹ ông có chia đất ao tại thửa 4576 cho ông, bà Q và ông T, phần giữa ao có chiều dài cạnh phía Đông là 13,9m chia cho ông và bà Q mỗi người một nửa, phần phía Tây có chiều dài cạnh phía Đông là 23m chia cho ông Hoàng Văn T, phần phía Bắc có chiều dài cạnh phía Đông là 33,6m chia cho ông. Ngoài ra bố mẹ ông còn chia cho bà Q đất tại thửa 4577 diện tích là 5 miếng 7 với chiều dài Bắc Nam là 21m, chiều rộng Đông Tây là 8,6m, vị trí: Phía Tây giáp đất anh M, phía Nam giáp đường làng. Hiện nay ông đang sử dụng phần đất ao của ông được chia và phần đất ao của ông và bà Q được chia, các con ông T đang sử dụng phần đất ao của ông T được chia. Ông đề nghị Tòa án chia quyền sử dụng đất đối với đất ao tại thửa 4576 và đất ở của bà Q tại thửa 4577 đúng như nội dung di chúc ngày 01-01-2003 của bố mẹ ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-5-2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ2 trình bày: Trước khi chết bố ông là cụ Hoàng Văn K, mẹ ông là cụ Lê Thị R không để lại di chúc, bản di chúc mà bà Q xuất trình cho Tòa án là không hợp pháp vì không phải chữ ký của bố mẹ ông, tuy nhiên ông không đề nghị giám định chữ ký của cụ K và cụ R. Đối với phần đất ao thì trước đây bố mẹ ông đã gọi cán bộ xã H vào chia đất ao thành 04 phần trong đó cho ông, NLQ1, ông T mỗi người một phần, còn một phần để lại chưa chia, phần của ông là 200m². Văn bản đó UBND xã H quản lý, nên ông không có tài liệu nào chứng minh về việc chia đất ao nói trên. Ông không công nhận di chúc, nên ông đề nghị chia cho ông 200m² đất ao đúng như nguyện vọng của bố mẹ ông trước đây.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác là bà Trần Thị Hồng C, NLQ6, NLQ3, NLQ7, NLQ4 thừa nhận cụ K và cụ R có để lại di chúc ngày 01-01-2003, đề nghị Tòa án chia quyền sử dụng đất cho bà Q như bản di chúc và không có ý kiến gì.

NLQ5 trình bày: Do bà không được biết về bản di chúc của bố mẹ, nên bà không có ý kiến gì.

UBND huyện N đề nghị giữ nguyên GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên vợ chồng Anh Hoàng Thanh T và NLQ9 đã được UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 15-01-2014, diện tích 430m² số thửa 4577, tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã quyết định:

Căn cứ các Điều 50, 136 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 655, 656, 659, 670, 671 Bộ luật Dân sự năm 1995; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Q về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên vợ chồng Anh Hoàng Thanh T và NLQ9 đã được UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 15-01-2014, diện tích 430m² (gồm 300m² đất ở và 130m² đất vườn), số thửa 4577, tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Q về việc chia thừa kế theo di chúc của vợ chồng cụ Hoàng Văn K và cụ Lê Thị R;

Chia cho Bà Hoàng Thị Q được thừa kế quyền sử dụng 98,7m² đất ao tại thửa số 4576 tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất Anh Hoàng Thanh T dài 7,3m;
- Phía Nam giáp đất Ông Hoàng Văn T được chia dài 12,9m;
- Phía Đông giáp đường xóm dài 7,3m;
- Phía Bắc giáp đất NLQ1 được chia dài 14,5m.

Chia cho NLQ1 được thừa kế quyền sử dụng 523,8m² đất ao tại thửa số 4576 tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất Anh Hoàng Thanh T (Ông Hoàng Văn T đang sử dụng) dài 4,2m, giáp đất NLQ1 dài 29,2m;
- Phía Nam giáp đất Bà Hoàng Thị Q được chia dài 14,5m;
- Phía Đông giáp đường xóm dài 37,5m;
- Phía Bắc giáp đất ông Đ được chia dài 9,4m.

Chia cho Ông Hoàng Văn T được thừa kế quyền sử dụng 336,7m² đất ao tại thửa số 4576 tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất Bà Hoàng Thị Q dài 18,5m và đất Anh Hoàng Thanh T dài 10m;
- Phía Nam giáp đường thôn H dài 16,8m;
- Phía Đông giáp đường xóm dài 23m;
- Phía Bắc giáp đất NLQ1, Bà Hoàng Thị Q được chia dài 12,9m;

3. Giao cho Bà Hoàng Thị Q được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 138,8m² tại thửa số 4577, tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất ông M dài 20,7m;
- Phía Nam giáp đường thôn H dài 8,1m;
- Phía Đông giáp đất ao anh Hoàng Văn T (Anh Hoàng Thanh T đang sử dụng) dài 18,5m;
- Phía Bắc giáp đất Anh Hoàng Thanh T (Ông Hoàng Văn T đang sử dụng) dài 6,7m (Có sơ đồ kèm theo);

4. Bà Hoàng Thị Q có trách nhiệm thanh toán trị giá quyền sử dụng 138,8m² đất tại thửa 4577, tờ Bản đồ số 11 cho vợ chồng Anh Hoàng Thanh T, NLQ9 với số tiền là 44.720.000đ (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng);

5. Bác yêu cầu của NLQ2 về yêu cầu được chia 200m² đất ao tại số thửa 4576 tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 29-9-2017 Bà Hoàng Thị Q là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với một phần Bản án sơ thẩm vì nhà bà đang ở do bố mẹ làm cho từ lâu. Ông Hoàng Văn T và vợ chồng anh Hoàng Thanh T không có công vượt lập tôn tạo, còn bà có công duy trì gìn giữ nộp thuế và chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ cho đến khi qua đời, vậy mà Toà án lại căn cứ vào GCNQSDĐ không được cấp một cách hợp pháp của anh Hoàng Thanh T buộc bà phải thanh toán cho vợ chồng anh Hoàng Thanh T 44.720.000đ là không đúng. Bố mẹ bà đã làm nhà trên đất của mình và đã lập di chúc để lại cho bà lại không được Toà án chấp nhận là quá vô lý.

Ngày 03-10-2017 anh Hoàng Thanh T là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với Bản án sơ thẩm vì thửa đất 4577 hiện đang đứng tên anh vẫn chia cho Bà Hoàng Thị Q và Bản di chúc là không hợp pháp. Nếu Toà chia phần ao lại không chia mảnh đất và nhà gỗ cổ gần 10 gian thửa 4580 và tài sản trên đất hiện đang mang tên quyền sở hữu của cụ Hoàng Văn K. Phần đất ao gia đình anh đã sử dụng từ năm 1989 đến nay đã đóng thuế đầy đủ.

NLQ2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo (không ghi ngày tháng) với nội dung: Không nhất trí với Bản án sơ thẩm vì Toà chia cho NLQ1 phần đất 1,2 sào bố mẹ ông đã phúng vào họ. Đề nghị NLQ1 phải trả lại ngôi nhà cổ 7 gian 5 đời các cụ để làm nhà di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp và cầu nguyện cho ông bà cha mẹ. Ông không kiện tụng gì khi Toà hỏi ông trả lời lại buộc ông phải nộp án phí 2.500.000đ. Năm 1992 bố ông có mời cả đại diện UBND xã đến chia ao, nay Toà lại xử ông không có 200m² ao ông không nhất trí.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Việc làm GCNQSDĐ cho Ông Hoàng Văn T là do ông Phan Văn C (Là chồng NLQ5) tự ý làm khi không có ý kiến của cụ K và cụ R. Nay ông Phan Văn C đã đứng ra nhận lỗi và làm đơn tường trình rõ sự việc gửi Toà án, vì vậy đề nghị Toà án huỷ GCNQSDĐ của anh Hoàng Thanh T và chấp

nhận yêu cầu chia thừa kế của bà đối với 130m² của thửa 4577 theo di chúc. Đồng thời đề nghị Toà xem xét miễn án phí cho bà do bà là người cao tuổi, hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

NLQ1 trình bày: GCNQSDĐ của Ông Hoàng Văn T do ông Phan Văn C tự ý đứng ra làm hộ khi không có ý kiến của bố mẹ nay ông Phan Văn C đã thừa nhận, nên GCNQSDĐ của Ông Hoàng Văn T không hợp pháp, do đó Ông Hoàng Văn T không có quyền cho anh Hoàng Thanh T, yêu cầu Toà án huỷ GCNQSDĐ của anh Hoàng Thanh T được cấp trái pháp luật và chia thừa kế 130m² đất thửa 4577 cho Bà Hoàng Thị Q như ý nguyện của bố mẹ ông. Đồng thời Bà Hoàng Thị Q là người cao tuổi sống cô đơn và ông là người cao tuổi nên xin được miễn án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q vì xác định thửa đất 4577 cụ K, cụ R đã cho vợ chồng Ông Hoàng Văn T từ năm 1984, Ông Hoàng Văn T đã làm nhà sử dụng ổn định và được cấp GCNQSDĐ từ năm 1995 một cách hợp pháp. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm miễn án phí cho NLQ1 và bà Q là những người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] NLQ2, người đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân huyện N là Ông Nguyễn Xuân H và anh Hoàng Thanh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự còn lại đã uỷ quyền hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

[2] Xét kháng cáo của Bà Hoàng Thị Q thấy rằng: Có căn cứ xác định từ năm 1984 sau khi Ông Hoàng Văn T lập gia đình, vợ chồng cụ K, cụ R đã tặng cho Ông Hoàng Văn T thửa đất số 4577 diện tích 430m² thông qua việc hộ Ông Hoàng Văn T đã làm nhà ở, sử dụng ổn định từ đó đến nay. Bản đồ 299 lập năm 1986 đã thể hiện chủ sử dụng đất là Ông Hoàng Văn T khi đó là thửa số 2444, tờ bản đồ số 7 với diện tích 480m², đến Bản đồ địa chính năm 1991 là thửa 4577, tờ Bản đồ số 11, diện tích 430m² (gồm 300m² đất ở, 130m² đất vườn) chủ sử dụng đất vẫn là ông Hoàng Văn T. Năm 1995 thực hiện chủ trương về việc đăng ký kê khai cấp GCNQSDĐ đồng loạt cho tất cả các hộ dân trong xã, hộ Ông Hoàng Văn T đã được cấp GCNQSDĐ thửa số 4577, tờ Bản đồ số 11 với diện tích 430m². Còn hộ cụ Hoàng Văn K được cấp GCNQSDĐ đối với 2 thửa còn lại. GCNQSDĐ của Ông Hoàng Văn T có thể do ông Phan Văn C đứng ra làm hộ như trình bày của Bà Hoàng Thị Q, NLQ1 là đúng, nhưng việc cấp

GCNQSDĐ cho Ông Hoàng Văn T là cấp đồng loạt nên đã có thủ tục thông báo công khai theo đúng quy định. Hơn nữa, việc cụ K, cụ R khi đó có quyền sử dụng 3 thửa đất mà chỉ đăng ký kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với 2 thửa khác (Thửa 4576 và thửa 4580), không kê khai đăng ký đối với thửa số 4577, tờ Bản đồ số 11 với diện tích 430m² đã chứng tỏ quan điểm của cụ K, cụ R tại thời điểm kê khai cấp GCNQSDĐ hoặc đã tặng cho hoặc đã mặc nhiên chấp nhận để cho Ông Hoàng Văn T đăng ký kê khai để được cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 4577 vì khi đó hộ Ông Hoàng Văn T đang sử dụng. Mặt khác, vào năm 2002 khi cụ K dự định chia đất cho các con cụ K đã chia cho Ông Hoàng Văn T toàn bộ thửa đất số 4577, tờ Bản đồ số 11, diện tích 430m² theo đúng GCNQSDĐ đã được cấp. Còn các thửa đất số 4576, 4580 được chia cho NLQ1, Bà Hoàng Thị Q và NLQ2, một lần nữa chứng tỏ cụ K, cụ R đã biết về việc Ông Hoàng Văn T có GCNQSDĐ đối với thửa 4577 mà không phản đối, nên phải chấp nhận.

[3] Do xác định việc tặng cho đất của cụ K, cụ R cho Ông Hoàng Văn T đã phát sinh hiệu lực sau khi Ông Hoàng Văn T làm thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được đứng tên trên Bản đồ và được cấp GCNQSDĐ. Nên đến năm 2014, Ông Hoàng Văn T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất trên cho Anh Hoàng Thanh T và theo cung cấp của cơ quan có thẩm quyền thì việc cấp GCNQSDĐ cho anh Hoàng Thanh T là hoàn toàn hợp pháp, do đó yêu cầu của Bà Hoàng Thị Q đề nghị hủy GCNQSDĐ của hộ Anh Hoàng Thanh T tại thửa 4577, tờ Bản đồ số 11, diện tích 430m² không được cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[4] Như vậy, toàn bộ diện tích 430m² đất tại thửa 4577 xác định cụ K, cụ R đã tặng cho Ông Hoàng Văn T và hợp đồng tặng cho đã có hiệu lực, cụ K, cụ R không có quyền đòi lại, nên ngày 01-01-2003 cụ Hoàng Văn K và cụ Lê Thị R lập di chúc chia tài sản cho các con, phần di chúc chia 130m² đất tại thửa 4577, tờ Bản đồ số 11 cho Bà Hoàng Thị Q không có hiệu lực. Các phần còn lại của di chúc cụ K, cụ R vẫn có hiệu lực vì theo quy định tại Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 1995 “Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật”.

[5] Do phần diện tích đất Bà Hoàng Thị Q đang sử dụng tại số thửa 4577 là 138,8m² đã có 01 nhà mái bằng, 01 bếp cấp 4 và một số vật kiến trúc khác từ năm 2002 được vợ chồng cụ K xây dựng và ở cùng Bà Hoàng Thị Q sử dụng ổn định từ đó đến nay. Khi cụ K, cụ R xây nhà, công trình phụ trên đất Ông Hoàng Văn T không phản đối. Hiện bà Q là hộ độc thân, đã già yếu và không có chỗ ở nào khác vì vậy mặc dù xác định phần đất đó cụ K, cụ R đã cho ông Hoàng Văn T, không có quyền đòi lại nhưng cấp sơ thẩm vẫn giao cho bà Q quyền sử dụng phần diện tích đất nêu trên, bà Q có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị theo giá chuyển nhượng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm cho Anh Hoàng Thanh T để bảo vệ giá trị tài sản, tránh lãng phí và đảm bảo quyền có chỗ ở cho bà Q là phù hợp.

[6] Ngày 16-5-2018 anh Hoàng Thanh T đã rút toàn bộ kháng cáo, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hoàng Thanh T.

[7] Xét kháng cáo của NLQ2 về việc không thừa nhận bản di chúc của cụ K, cụ R và yêu cầu được chia 200m² đất ao thấy rằng: NLQ2 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc cụ K, cụ R chia cho ông được hưởng diện tích đất ao nói trên. Mặt khác, theo quy định của Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về thời điểm phát sinh hiệu lực của Hợp đồng tặng cho bất động sản là quyền sử dụng đất kể từ thời điểm đăng ký, nên kể cả trường hợp trước đây có việc cụ K, cụ R có ý định tặng cho các con đất ao như NLQ2 trình bày thì cũng xảy ra trước thời điểm cụ K, cụ R lập di chúc và việc tặng cho nếu có cũng chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên chưa phát sinh hiệu lực pháp luật, cụ K, cụ R hoàn toàn được quyền thay đổi quan điểm thông qua việc lập di chúc định đoạt tài sản của mình. Bản di chúc của cụ K, cụ R đã được công chứng, chứng thực một cách hợp pháp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của NLQ2 về nội dung này. Đối với nội dung kháng cáo của NLQ2 về việc Tòa chia cho NLQ1 phần đất 1,2 sào bố mẹ ông đã phúng vào họ và đề nghị NLQ1 phải trả lại ngôi nhà cổ 7 gian 5 đời các cụ để làm nhà di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp và cầu nguyện cho ông bà cha mẹ không có căn cứ xem xét vì NLQ2 xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, còn yêu cầu Tòa án không triệu tập ông, những tài sản nêu trên không thể làm rõ, cũng không có đương sự nào yêu cầu chia thừa kế những tài sản đó, cấp sơ thẩm không giải quyết nên không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm.

[8] Về án phí: Tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm”. Vì vậy, kháng cáo của ông Hoàng Ngọc T về phần án phí được chấp nhận. Bà Hoàng Thị Q và NLQ1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 (nêu trên). Do sửa án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 (nêu trên).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,
Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hoàng Thanh T;
Không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị Q;
Chấp nhận một phần kháng cáo của NLQ2;

Căn cứ các Điều 50, 136 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 655, 656, 659, 670, 671 Bộ luật Dân sự năm 1995;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Q về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên vợ chồng Anh Hoàng Thanh T và NLQ9 đã được UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 15-01-2014, diện tích 430m² (gồm 300m² đất ở và 130m² đất vườn), số thửa 4577, tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Q về việc chia thừa kế theo di chúc của vợ chồng cụ Hoàng Văn K và cụ Lê Thị R;

Chia cho Bà Hoàng Thị Q được thừa kế quyền sử dụng 98,7m² đất ao tại thửa số 4576 tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất Anh Hoàng Thanh T dài 7,3m;
- Phía Nam giáp đất Ông Hoàng Văn T được chia dài 12,9m;
- Phía Đông giáp đường xóm dài 7,3m;
- Phía Bắc giáp đất NLQ1 được chia dài 14,5m.

Chia cho NLQ1 được thừa kế quyền sử dụng 523,8m² đất ao tại thửa số 4576 tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất Anh Hoàng Thanh T dài 4,2m, giáp đất NLQ1 dài 29,2m;
- Phía Nam giáp đất Bà Hoàng Thị Q được chia dài 14,5m;
- Phía Đông giáp đường xóm dài 37,5m;
- Phía Bắc giáp đất ông Đ được chia dài 9,4m.

Chia cho Ông Hoàng Văn T (nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Văn T) được thừa kế quyền sử dụng 336,7m² đất ao tại thửa số 4576 tờ bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất Bà Hoàng Thị Q dài 18,5m và đất Anh Hoàng Thanh T dài 10m;
- Phía Nam giáp đường thôn Hdài 16,8m;
- Phía Đông giáp đường xóm dài 23m;
- Phía Bắc giáp đất NLQ1, Bà Hoàng Thị Q dài 12,9m.

3. Giao cho Bà Hoàng Thị Q được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 138,8m² tại thửa số 4577, tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định có vị trí:

- Phía Tây giáp đất ông M dài 20,7m;
- Phía Nam giáp đường thôn Hdài 8,1m;
- Phía Đông giáp đất ao Ông Hoàng Văn T (Anh Hoàng Thanh T đang sử dụng) dài 18,5m;

- Phía Bắc giáp đất Anh Hoàng Thanh T dài 6,7m.

(Có sơ đồ kèm theo)

4. Bà Hoàng Thị Q có trách nhiệm thanh toán trị giá quyền sử dụng 138,8m² đất tại thửa 4577, tờ Bản đồ số 11 cho vợ chồng Anh Hoàng Thanh T, NLQ9 với số tiền là 44.720.000đ (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng);

5. Bác yêu cầu của ông Hoàng Ngọc T về yêu cầu được chia 200m² đất ao tại số thửa 4576 tờ Bản đồ số 11, Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Các đương sự có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất cho nhau theo đúng quyết định của Bản án, đồng thời có quyền và nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

6. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ông Hoàng Văn T phải nộp 4.208.000 đồng (Bốn triệu hai trăm linh tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Hoàng Thanh T đã nộp tại Biên lai thu số 0001853 ngày 03-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực;

Tuyên trả lại cho Bà Hoàng Thị Q số tiền 2.500.000 đồng bà Q đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 05923 ngày 16-12-2015 và số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Q đã nộp tại Biên lai thu số 0001854 ngày 03-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Bà Q được nhận lại 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Tuyên trả lại cho NLQ2 số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm NLQ2 đã nộp tại Biên lai thu số 0001856 ngày 03-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết